

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2021/DS-PT

Ngày 31/3/2021

V/v Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thông

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tuấn Anh

Bà Phạm Thị Liên Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Tiến Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Phan Trung Quốc - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 27/01/2021, 24/02/2021 và 31/3/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 362/2020/TLPT-DS ngày 06 tháng 10 năm 2020, về việc “Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2020/DS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 517/2020/QĐ-PT ngày 06 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Văn D, sinh năm 1954

Địa chỉ: 33, ấp 9 chợ, xã Đông H, huyện An M, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là: Luật sư Vũ Tuấn A – Công ty luật hợp danh Sao Mai, Đoàn Luật sư TPHCM.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Quang M, sinh năm 1928.

Địa chỉ: 207, ấp Tân T, xã Hòa T, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn Lê Quang M là: Ông Lê Phú C1, sinh năm 1966.

Địa chỉ: 207, ấp Tân T, xã Hòa T, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Lê Quang M là: Nguyễn Văn H1 – Luật sư – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Tháp – Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 01.

Địa chỉ: 466, Nguyễn Sinh Sắc, Khóm 5, Phường 1, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, N vụ liên quan:

3.1. Lê Phú C, sinh năm 1966

3.2. Lê Thanh H2, sinh năm 1963

3.3. Nguyễn Thị Hoàng D1, sinh năm 1971

3.4. Lê Thị Thùy T1, sinh năm 1991

3.5. Lê Thị Thùy D2, sinh năm 1993

3.6. Lê Thị Ngọc C1, sinh năm 2000.

Cùng địa chỉ: 207, ấp Tân T, xã Hòa T, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

3.7. Nguyễn Thị Thùy T2, sinh năm 1982

Địa chỉ: 207, ấp Tân T, xã Hòa T, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

3.8. Lê Kim H3, sinh năm 1969.

Địa chỉ: 262A/TT, ấp Tân T, xã Hòa T, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thanh H2, Lê Thị Thùy T1, Lê Thị Thùy D2, Lê Thị Ngọc C1, Nguyễn Thị Thùy T2, Lê Kim H3 là ông Lê Phú C, sinh năm 1966. Cùng địa chỉ: 207, ấp Tân T, xã Hòa T, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

3.9. Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh năm 1951

3.10. Nguyễn Thị T3, sinh năm 1966.

Cùng địa chỉ: 212, ấp Tân LA, xã Tân D3, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

3.11. Nguyễn Kim L1, sinh năm 1955.

Địa chỉ: 43A, ấp Tân L1, xã Hòa T, huyện Lai vung, tỉnh Đồng Tháp.

3.12. Nguyễn Thị T4, sinh năm 1957.

Địa chỉ: 294, ấp Hưng Thành T5, xã L1 Hưng B, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

3.13. Nguyễn Thị C2, sinh năm 1968.

Địa chỉ: 227A, ấp Hưng Thành T5, xã L1 Hưng B, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

3.14. Nguyễn Thị S, sinh năm 1962.

Địa chỉ: 309, ấp Khánh N, xã Tân Khánh Đông, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

3.15. Nguyễn Thị Kim B, sinh năm 1964.

Địa chỉ: 178A/3, ấp Hòa N1, xã L1 Thắng, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện cho Nguyễn Thị Hồng Đ, Nguyễn Thị T3, Nguyễn Thị

L2, Nguyễn Kim L1, Nguyễn Thị T4, Nguyễn Thị C2, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị Kim B là ông Vũ Tuấn A, sinh năm 1970; Địa chỉ: 103, đường Chi Lăng, Tổ 29, khóm Mỹ Hưng, Phường 3, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;

3.16. Ủy ban nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật là: Ông Nguyễn Hữu N. Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: Quốc lộ 80, Khóm 1, thị trấn Lai Vung, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn D.

(Ông D, anh C1, chị D1, luật sư Tuấn A, luật sư H1 có mặt; đại diện UBND huyện Lai Vung có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DỊ VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Hồng Đ, Nguyễn Thị T3, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Kim L1, Nguyễn Thị T4, Nguyễn Thị C2, Nguyễn Thị S và Nguyễn Thị Kim B có người đại diện là ông Vũ Tuấn A trình bày:

Vào ngày 29/12/1973, ông Nguyễn Văn Đ1 (cha ông Nguyễn Văn D) được chế độ cũ cấp Chứng thư số 0359974, công nhận quyền sở hữu 11.000m² đất thuộc thửa đất số 108TM, tờ thứ 273, đất tọa lạc tại xã Hòa T, tỉnh Sa Đéc (nay là xã Hòa T, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp). Đến năm 1984, ông Đ1 cho UBND xã Hòa T mượn toàn bộ phần đất trên để làm sân bóng đá, khi không làm sân bóng thì sẽ trả lại. Tuy nhiên, đến ngày 22/02/1993 UBND huyện Lai Vung lại cấp cho hộ ông Lê Quang M quyền sử dụng 3.500m² đất nằm trong diện tích 11.000m² đất mà cha ông D đã cho UBND xã Hòa T mượn.

Khi biết được sự việc trên, ông Đ1 đã làm đơn khiếu nại. Đến ngày 25/11/1994, UBND huyện Lai Vung ra Quyết định số 142/QĐ.UB về việc giải quyết tranh chấp đất. Theo Quyết định này thì UBND huyện Lai Vung thu hồi lại 3.500m² đất đã cấp cho ông M để cấp lại cho ông Đ1. Tuy nhiên, ông M không đồng ý nên đã khiếu nại Quyết định số 142/QĐ-UB của UBND huyện Lai Vung. Đến ngày 22/3/1999, UBND huyện Lai Vung đã ra Quyết định 01/QĐ.UB thu hồi Quyết định số 142/QĐ-UB. Theo Quyết định này thì phần đất 3.500m² đã cấp quyền sử dụng đất cho ông M nên thẩm quyền thuộc về Tòa án. Theo sơ đồ đo đạc thì phần đất tranh chấp này thuộc một phần thửa đất số 52, tờ bản đồ số 21, diện tích 3.272,9m². Đến năm 2002, ông Đ1 chết và đến năm 2013 bà Cao Thị S (mẹ ông Nguyễn Văn D) chết. Hiện nay, phần đất trên vẫn do ông M đang quản lý, sử dụng.

Nay ông Nguyễn Văn D yêu cầu như sau:

- Ông Nguyễn Văn D yêu cầu hộ ông Lê Quang M trả lại phần diện tích

là 3.272,9m² thuộc một phần thửa đất số 52, tờ bản đồ số 21 thể hiện tại các mốc M14, M15, M16, M17, M18, M19, M20, M39, M33, M31, M32 quay về M14 theo bản đồ trích đo số 111-2019, ngày 21/8/2019, đất tọa lạc tại xã Hòa T, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Công nhận diện tích 3.272, 9 m² thuộc một phần thửa đất số 52, tờ bản đồ số 21 thể hiện tại các mốc M14, M15, M16, M17, M18, M19, M20, M39, M33, M31, M32 quay về M14 theo bản đồ trích đo số 111-2019, ngày 21/8/2019, đất tọa lạc tại xã Hòa T, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp cho ông Nguyễn Văn D.

Nguyên đơn không yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 52, tờ bản đồ số 21 cấp cho hộ ông Lê Quang M.

Đối với các cây trồng có trên đất do bên bị đơn trồng bên nguyên đơn không tranh chấp. Đối với ngôi mộ có trên phần đất tranh chấp là của nguyên đơn thì nếu xử đất cho bị đơn thì nguyên đơn tự động di dời, không yêu cầu chi phí di dời, không tranh chấp hay yêu cầu gì đối với ngôi mộ này. Còn gốc mộ của bên người giáp ranh Trần Kim P giáp với phần đất tranh chấp, nguyên đơn cũng không tranh chấp hay yêu cầu gì, sẽ tự thỏa thuận với bà P.

Thông nhất với kết quả thẩm định ngày 21/8/2019 và biên bản định giá ngày 01/9/2017 làm cơ sở giải quyết vụ án.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn ý kiến nguyên đơn không đồng ý vì trong quá trình sử dụng đất, ông M có nghĩa vụ tu tạo và hưởng thành quả trên đất, nay yêu cầu nguyên đơn trả công sức bồi đắp là vô lý nhưng nếu công nhận đất cho nguyên đơn thì nguyên đơn sẽ hỗ trợ 6.000.000 đồng cho bên bị đơn.

Ý kiến của các anh em của ông D là bà Đ, T3, L2, L1, T4, C2, S, B cũng thống nhất với lời trình bày của ông D. Thông nhất không ai tranh chấp gì trong vụ án mà giao cho ông D toàn quyền quyết định trong vụ án.

- Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích cho bị đơn Lê Quang M là luật sư Nguyễn Văn H1 trình bày:

- Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện cho bị đơn Lê Quang M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thanh H2, Lê Thị Thùy T1, Lê Thị Thùy D2, Lê Thị Ngọc C1, Nguyễn Thị Thùy T2, Lê Kim H3 là ông Lê Phú C trình bày: Ông C thống nhất với lời trình bày của luật sư Nguyễn Văn H1, không trình bày hay bổ sung gì thêm.

- Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người có quyền lợi, N vụ liên quan Nguyễn Thị Hoàng D1 trình bày: Thông nhất với lời trình bày của luật sư Nguyễn Văn H1 và anh Lê Phú C không bổ sung gì thêm.

- Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện Lai Vung, người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Hữu N - Chủ tịch nhân dân huyện Lai Vung vắng mặt có lý do và trả lời phúc đáp cho Tòa án với nội D1 tại công văn số: 110 /UBND-TNMT ngày 24/9/2019, công văn số: 130/UBND-TNMT ngày 19/11/2019; công văn số: 140/UBND-TNMT, ngày 27/12/2019; công văn số: 10/UBND-TNMT ngày 31/01/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp lưu trong hồ sơ vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/10/2019 người làm chứng ông Tăng Hữu P1 khai: Khoảng năm 1986, ông P1 công tác là cán bộ Nông nghiệp của Ủy ban nhân dân xã Hòa T, nguồn gốc sân bóng là của ông Nguyễn Văn Đ1. Còn ông Đ1 hiến, tặng cho gì ông P1 không rõ. Ông P1 chỉ biết khoảng thời gian từ năm 1985, 1986 sân bóng là của Ủy ban nhân dân xã Hòa T. Khi Ủy ban giao sân bóng cho ông M để canh tác là khoảng năm 1986, khi giao đất cho ông M thì ông P1 có tham gia. Thời gian khoảng năm 1993 đến năm 1994 giữa ông M và ông Đ1 tranh chấp thì ông P1 không biết, vì thời điểm đó ông P1 đã nghỉ công tác. Tại thời điểm giao đất cho ông M thì những người này hiện nay không còn sống.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/01/2020 người làm chứng ông Nguyễn Văn T6 khai: Khoảng năm 1986 ông T6 là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hòa T. Khi ông T6 về nhận nhiệm vụ năm 1986 thì đã có sân bóng nhưng không có hoạt động. Nguồn gốc sân bóng ông T6 biết là của ông Đ1 hiến. Ủy ban nhân dân xã Hòa T lấy sân bóng cấp cho ông M khoảng năm 1987, khi cấp đất cho ông M không có quyết định thu hồi đất của ông Đ1, khi cấp đất cho ông M thì ông Đ1 không tranh chấp. Khi có chỉ thị 47 ra đời thì ông Đ1 mới tranh chấp. Khi hai bên tranh chấp thì ông T6 có làm việc với ông Đ1, Nội dung đơn khiếu nại của Ông Đ1 là ông Đ1 hiến đất cho Nhà nước để làm sân bóng, nếu không làm sân bóng thì trả lại cho ông Đ1 và lúc đó ông T6 có giải thích là ông Đ1 đã hiến đất cho Ủy ban nhân dân xã Hòa T thì Ủy ban không sử dụng cho mục đích này thì sử dụng cho mục đích khác.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2020/DS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung đã xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Văn D.

- Giữ nguyên hiện trạng cho hộ ông Lê Quang M, Lê Phú C, Lê Thanh H2, Nguyễn Thị Hoàng D1, Lê Thị Thùy D2, Lê Thị Ngọc C1, Nguyễn Thị Thùy T2, Lê Kim H3 được quyền tiếp tục sử dụng diện tích 3.272,9 m², thuộc một phần thửa đất số 52, tờ bản đồ số 21 thể hiện tại các mốc M14, M15, M16, M17, M18, M19, M20, M39, M33, M31, M32 quay về M14 theo bản đồ trích đo số 111-2019, ngày 21/8/2019, đất tọa lạc tại xã Hòa T, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp đứng tên Hộ ông Lê Quang M theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện Lai Vung cấp giấy ngày 26/7/2011.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 30/3/2017, 01/9/2017, 21/8/2019, 05/5/2020; Biên bản định giá ngày 01/9/2017; bản đồ trích đo số 111-2019, ngày 21/8/2019 của Trung tâm kỹ thuật và Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Tháp).

2. Về án phí và chi phí đo đạc, định giá:

- Về án phí:

+ Nguyên đơn Nguyễn Văn D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn D 15.466.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 06545, ngày 30/11/2016 của Chi cục Thi hành dân sự tỉnh Đồng Tháp.

- Về chi phí đo đạc, định giá:

+ Ông Nguyễn Văn D phải chịu chi phí thẩm định và định giá là 7.395.880 đồng (Số tiền này nguyên đơn đã nộp và chi xong).

- Ngày 21/7/2020 ông D kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2020/DS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung.

- Tại phiên tòa ông C phát biểu: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa ông C phát biểu: Không đồng ý với kháng cáo của ông D, đề nghị xử lý án sơ thẩm.

- Luật sư Vũ Tuấn A phát biểu:

+ Đất của ông Đ1 có chứng thư của chế độ cũ.

+ Không có văn bản cấp đất của cấp có thẩm quyền.

+ Ngày 28/4/1984 UBND xã trưng dụng 11.000m² đất của ông Đ1 làm sân bóng đá và có chừa ra phần mộ của cha ông Đ1.

+ Năm 1985 UBND xã không làm sân bóng đá nữa nhưng không trả lại đất cho ông Đ1.

+ Năm 1989 ông Đ1 khiếu nại, UBND huyện Lai Vung ra QĐ số 142 trả 3.500m² đất cho ông Đ1. Sau đó UBND huyện ra QĐ số 01 thu hồi QĐ số 142 do không thuộc thẩm quyền.

+ Theo khoản 4 Điều 12 Luật đất đai năm 1987 quy định: “*Giao đất cho người khác phải có quyết định thu hồi đất*”. Nên việc cấp đất cho ông M là không đúng quy định của pháp luật.

+ Gia đình khó khăn, có nhu cầu được sử dụng một phần đất và có nhu cầu quản lý, trong nom phần mộ của ông nội ông D.

Từ đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm.

- Luật sư Nguyễn Văn H1 phát biểu:

- + Năm 1984 ông Đ1 hiến đất cho UBND xã Hòa T.
 - + Ông M được Nhà nước cấp đất thuộc diện chính sách và được cấp Giấy chứng nhận QSD đất.
 - + Pháp luật vào thời điểm đó không có quy định phải có quyết định giao đất cho hộ chính sách được cấp đất.
 - + Đất đai thuộc quyền sở hữu toàn dân nên việc giao đất cho UBND xã Hòa T làm sân bóng đá xem như đất của Nhà nước.
 - + Pháp luật quy định không trả lại đất đã giải quyết trong quá trình T2 trả ruộng đất.
 - + QĐ số 01 thu hồi QĐ số 142 là phù hợp.
 - + Không có cơ sở cho rằng UBND xã Hòa T cho mượn đất.
- Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông D.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về đường lối xét xử, Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông D, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của luật sư, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp quyền sử dụng đất là đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của ông D yêu cầu hộ ông M trả lại diện tích đất 3.272m² thuộc một phần thửa số 52, công nhận QSD đất cho ông D, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về nguồn gốc đất : Đất tranh chấp có nguồn gốc là của ông Nguyễn Văn Đ1 (cha của ông D) được chế độ cũ cấp chứng thư quyền sở hữu thửa đất 108TM, tờ thư 273, diện tích đất là 01 ha (10.000m²), đất tọa lạc tại xã Hòa T, tỉnh Sa Đéc (nay là xã Hòa T, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp). Đây là chứng thư được cấp theo chính sách “người cày có ruộng” năm 1973.

Theo Công văn số 140 của UBND huyện Lai Vung cung cấp xác định phần đất tranh chấp là có nguồn gốc của Nguyễn Văn Đ1.

- Về quá trình sử dụng đất: Năm 1984 Ủy ban nhân dân xã Hòa T có nhu cầu làm sân bóng đá và ông Đ1 đã giao cho Ủy ban nhân dân xã Hòa T diện tích 11.000 ha để làm sân bóng theo biên bản ngày 28/4/1984.

Việc ông Đ1 giao đất làm sân bóng là vì mục đích sử dụng vào công trình công cộng, phục vụ cho nhu cầu thể thao chung của địa phương. Tuy nhiên UBND xã Hòa T chỉ sử dụng làm sân bóng đá 01 năm. Từ năm 1984 đến năm 1986 UBND xã Hòa T không sử dụng làm sân bóng đá nữa, sau đó lại giao đất cho ông M sử dụng vào mục đích cá nhân là không phù hợp với quy định của pháp luật đất đai.

Ngoài ra khi ông D giao đất là tự nguyện, tuy nhiên cơ quan Nhà nước có thẩm quyền không có quyết định thu hồi đất. Đến khi giao đất cho ông M sử dụng cũng không có quyết định giao đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Theo Biên bản làm việc ngày 28/4/1984 có nội Dung: “...*Qua ý kiến của chủ đất sẵn sàng giúp phần đất cho UBND xã để làm sân bóng. Ông Đ1 đề nghị nghiên cứu làm sân bóng lọt ngoài phần mộ của cha ông. Qua trao đổi ý kiến giữa UBND xã và ông Nguyễn Văn Đ1 đều nhất trí ông giao trọn phần đất...*”.

Theo Quyết định số 142/QĐ.UB ngày 25/11/1994 của UBND huyện Lai Vung đã quyết định: “...*thu hồi lại 3.500m² trong diện tích 11.000m² nguồn gốc đất của ông Nguyễn Văn Đ1, sau đó cấp cho ông M canh tác đến nay...; giao quyền sử dụng đất diện tích 3.500m² cho ông Đ1 để sản xuất, giữa ông Đ1 và ông M không phải trả thành quả lao động*”, do quyết định này không đảm bảo về hình thức là thẩm quyền nhưng đảm bảo về nội dung, UBND huyện Lai Vung xét thấy việc giao đất cho hộ ông M là chưa phù hợp nên thu hồi đất trả lại cho ông Đ1 để đảm bảo quyền lợi cho ông Đ1.

Xét thấy trước đây ông Đ1 đã có đơn xin lại đất và hiện nay gia đình ông D có nhu cầu sử dụng đất và có nhu cầu quản lý, trông nom phần mộ của cha ông Đ1 (ông nội của ông D) nên xem xét giải quyết lại một phần diện tích đất tranh chấp thể hiện sự hài hòa giữa người sử dụng đất cũ và người sử dụng đất hiện nay.

- Xét thấy, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Lai Vung cho hộ ông Lê Quang M thửa đất số 52 tờ bản đồ số 21, diện tích là 7.069m². Theo đo đạc thực tế 7.740.4m², Mục đích sử dụng đất là Lúa và cây lâu năm, diện tích tranh chấp 3.272,9m² là chưa phù hợp do chưa có cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ra quyết định thu hồi đất của ông Đ1, đồng thời cũng chưa có quyết định cấp đất theo quy định của pháp luật.

Từ năm 1989 đến năm 1993 khi có khiếu nại, các cơ quan có thẩm quyền đã tiến hành các lần hòa giải thể hiện tại các biên bản ngày 27/3/1989, ngày 05/6/1993 đều giải quyết theo hướng động viên ông Lê Quang M trả lại cho ông Đ1 diện tích mà hiện nay bên ông D tranh chấp.

Ngoài ra tại khoản 4 Điều 12 Luật đất đai năm 1987 quy định: “*Việc quyết định giao đất đang sử dụng cho người khác chỉ được tiến hành sau khi có quyết định thu hồi đất đó của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, quy định tại Điều 15 của Luật này*”. Việc Tòa án cấp sơ thẩm áp D1 Luật đất đai năm 1993 và Luật đất đai năm 2013 để giải quyết là chưa phù hợp.

Từ những phân tích như trên, xét thấy việc ông D yêu cầu hộ ông M trả lại diện tích 3.272,9m² từ mốc M14, M15, M16, M17, M18, M19, M20, M39, M33, M31, M32 về M14 theo bản đồ trích đo ngày 21/8/2019 thuộc một phần thửa đất 52, tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại xã Hòa T, huyện Lai Vung là có cơ

sở để chấp nhận một phần yêu cầu của ông D, công nhận cho ông D được sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích đất tranh chấp bằng 1.636,3m².

Trên phần đất tranh chấp tại một phần thửa đất số 52 có 01 ngôi mộ của bên nguyên đơn, không có tranh chấp.

Tuy nhiên giáp ranh với thửa đất số 52 của ông M là thửa đất của bà Trần Kim P có hai ngôi mộ có một cạnh nhỏ nằm trên phần đất của thửa đất số 52. Giữa nguyên đơn, bị đơn và bà P cũng có lời khai, nếu phần đất đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn hay bị đơn thì nguyên đơn, hay bị đơn cũng không có tranh chấp về phần mộ của gia đình bà P. Hai bên tự thỏa thuận với nhau nên không xem xét giải quyết.

Từ những cơ sở nêu trên, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông D về việc yêu cầu đòi lại đất.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của ông D. Sửa một phần bản án sơ thẩm.

Do chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông D nên ông D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn D.
- Sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 91, Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 12 Luật đất đai năm 1987; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, điều 15, khoản 1 khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Văn D.

- Ông Nguyễn Văn D được sử dụng D1 phần đất diện tích 1.636,3 m² (thuộc ô số 3, ô số 4 và ô số 6, thuộc một phần thửa đất số 52, tờ bản đồ số 21 thể hiện tại phạm vi các mốc từ mốc A, M16, M17, M18, M19, D, C B, về A theo bản đồ trích đo số 111-2019 ngày 21/8/2019 và bổ sung ngày 13/01/2021, đất tọa lạc tại xã Hòa T, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Giữ nguyên một phần hiện trạng cho hộ ông Lê Quang M (các thành viên trong hộ gồm: Lê Quang M, Lê Phú C, Lê Thanh H2, Nguyễn Thị Hoàng D1, Lê Thị Thùy D2, Lê Thị Ngọc C1, Nguyễn Thị Thùy T2, Lê Kim H3) được quyền tiếp tục sử dụng diện tích 1.636,4 m², (ô số 5, ô số 1, ô số 2, thuộc một phần thửa đất số 52, tờ bản đồ số 21 thể hiện tại các mốc M14, M15, A, B, C, D, M20, M39, M33, M31, M32 quay về M14 theo bản đồ trích đo số 111-2019 ngày 21/8/2019 và bổ sung ngày 13/01/2021), đất tọa lạc tại xã Hòa T, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp đứng tên Hộ ông Lê Quang M theo giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện Lai Vung cấp giấy ngày 26/7/2011.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 30/3/2017, 01/9/2017, 21/8/2019, 05/5/2020; Biên bản định giá ngày 01/9/2017; bản đồ trích đo số 111-2019 ngày 21/8/2019 và bổ sung ngày 13/01/2021 của Trung tâm kỹ thuật và Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Tháp).

2. Thu hồi một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 52, tờ bản đồ số 21, sổ vào sổ CH01102 ngày 26/7/2011 của UBND huyện Lai Vung cấp cho hộ ông Lê Quang M (các thành viên trong hộ gồm: Lê Quang M, Lê Phú C, Lê Thanh H2, Nguyễn Thị Hoàng D1, Lê Thị Thùy D2, Lê Thị Ngọc C1, Nguyễn Thị Thùy T2, Lê Kim H3) đứng tên để cấp lại cho ông Nguyễn Văn D diện tích 1.636,3 m² (như đã tuyên ở phần trên) và còn lại cấp cho hộ ông Lê Quang M diện tích 1.636,4 m² (như đã tuyên ở phần trên).

Các đương sự đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục xin cấp quyền sử dụng đất, điều chỉnh diện tích đất theo quy định của pháp luật đối với diện tích đất như đã tuyên ở phần trên.

3. Về án phí và chi phí đo đạc, định giá:

- Về án phí:

+ Ông Nguyễn Văn D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn D 15.466.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 06545, ngày 30/11/2016 của Chi cục Thi hành dân sự tỉnh Đồng Tháp.

+ Hộ ông Lê Quang M được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về chi phí đo đạc, định giá: 7.395.880 đồng (làm tròn 7.396.000đ).

+ Ông Nguyễn Văn D phải chịu chi phí thẩm định và định giá là 3.698.000 đồng. (Số tiền này nguyên đơn đã nộp và chi xong).

+ Hộ ông Nguyễn Quang M phải chịu chi phí thẩm định và định giá là 3.698.000 đồng. Số tiền này nguyên đơn đã nộp và chi xong nên hộ ông M có nghĩa vụ trả lại cho ông D 3.698.000 đồng.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Phòng kiểm tra TAND Tỉnh ĐT;
- VKSND Tỉnh ĐT;
- TAND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Thông